

# HỒ CHÍ MINH VỚI HÀNH TRÌNH KHÁT VỌNG VÌ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

PGS, TS NGUYỄN QUỐC SỬU

*Đại học Nội vụ Hà Nội*

*Ngày nhận:*

16-2-2022

*Ngày thẩm định, đánh giá:*

21-2-2022

*Ngày duyệt đăng:*

7-3-2022

**Tóm tắt:** Thời đại mà chúng ta đang sống được vinh dự mang tên thời đại Hồ Chí Minh - khởi đầu bằng sự thành công của Cách mạng Tháng Tám, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2-9-1945. Từ đây, trong các loại văn bản pháp quy, công văn, giấy tờ hành chính luôn xuất hiện tiêu ngữ “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” - thể hiện khát vọng, mục tiêu cháy bỏng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn mong muốn và quyết tâm đạt được. Bài viết làm sâu sắc thêm hành trình vì hạnh phúc của nhân dân Việt Nam, của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:**

*Hồ Chí Minh;*

*hành trình khát vọng vì*

*hạnh phúc*

*nhân dân.*

## 1. Ra đi tìm đường cứu nước và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Ngày 5-6-1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã khởi đầu hành trình tìm đường cứu nước - cũng là khởi đầu hành trình khát vọng vì hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Vào thời điểm đó, Việt Nam đang bị kẻ thù xâm lược và đô hộ bằng những luật lệ hà khắc, nhân dân đang phải chịu cảnh thống khổ, lầm than, cơ cực. Nguyễn Tất Thành muốn tìm đến nước Pháp - nơi đã sáng tạo ra các giá trị “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” và mang sang xứ An Nam hòng “khai hóa văn minh” cho nhân dân An Nam. Mong muốn tìm đến tận nơi

để tìm hiểu về cái gọi là “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” để về giúp dân giúp nước. Với quyết định đó, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã trải qua hành trình 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước. Trong quá trình đó, Người đã đến được với chủ nghĩa Mác-Lênin. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin (đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp). Kể lại sự kiện này, Người đã cho rằng: “Trong Luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận

cương của V.I.Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”<sup>2</sup>. Với việc tiếp cận được tư tưởng của V.I.Lênin về quyền tự quyết của các dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã dần trở thành một người chiến sĩ cộng sản vào cuối năm 1920, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tours (Pháp).

Sau khi trở thành người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đẩy mạnh các hoạt động cách mạng, tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Về tư tưởng chính trị, Nguyễn Ái Quốc tăng cường truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam nhằm làm chuyển biến nhận thức của quần chúng nhân dân, đặc biệt là giai cấp công nhân, làm cho hệ tư tưởng cách mạng Mác-Lênin từng bước thấm sâu vào giai cấp công nhân và các tầng lớp xã hội khác. Về tổ chức, cán bộ, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp các thanh niên Việt Nam yêu nước thành lập nên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - một tổ chức yêu nước, tiền cộng sản, phù hợp với trình độ của phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ; ra Báo *Thanh niên*, mở lớp đào tạo cán bộ. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (năm 1927), Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn làm cách mạng: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ

nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”<sup>3</sup>.

Với những hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, mùa Xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tạo bước ngoặt đối với lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về người lãnh đạo của cách mạng Việt Nam, khởi đầu cho sự thay đổi số phận của dân tộc ta; đồng thời, đánh dấu bước phát triển mới về tư tưởng, đường lối và phương pháp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Bắt đầu từ đây, cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam soi đường, dẫn lối. Quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với CNXH được nêu trong các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tại Hội nghị thành lập Đảng trở thành con đường và mục tiêu xuyên suốt cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay; là nền tảng vững chắc để Đảng, Nhà nước ta chăm lo xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam.

## **2. Lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, soạn thảo, công bố Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**

Tháng 5-1941, tại Pác Bó (Cao Bằng), Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chủ trì HNTU 8. Hội nghị nhận định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”<sup>4</sup>. Hội nghị đã giải quyết đúng đắn, sáng tạo mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, trong đó nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu. Đường lối chiến lược đó đã thực sự thu hút, tập hợp được các lực lượng cách mạng, không phân biệt thợ thuyền,

dân cày, phủ nông, địa chủ, tư bản bản xứ... cùng đoàn kết trong Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh) do Hồ Chí Minh sáng lập, tạo thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc rộng rãi, vững chắc góp phần quyết định vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, Hồ Chí Minh nhận thấy đã đến lúc phải thúc đẩy xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, tạo lực lượng nòng cốt để tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 đã giành thắng lợi, chính quyền trên phạm vi cả nước hoàn toàn thuộc về nhân dân.

Ngày 2-9-1945, trên Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người trực tiếp soạn thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mở đầu bản Tuyên ngôn, Người dẫn lại một câu bất hủ trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”<sup>5</sup>. Để giành lại những quyền con người cơ bản đó, dân tộc ta đã “gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay”, đã “gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay”, thì như một lẽ tự nhiên: “Dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập”<sup>6</sup>. Kết thúc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình trọng tuyên bố với thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”<sup>7</sup>.

Những nội dung trong *Tuyên ngôn Độc lập* thể hiện hoài bão, khát vọng của Người cũng như của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tất cả vì nền độc lập tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

### 3. Lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội khóa I, xây dựng, ban hành Hiến pháp năm 1946

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của Tổng tuyển cử, ngày 8-9-1945, Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã ban hành Sắc lệnh số 14 về mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc dân Đại hội. Sắc lệnh này đã đặt nền móng cho việc tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên vào ngày 6-1-1946, bầu ra Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay tại Kỳ họp thứ nhất (2-6-1946) Quốc hội khóa I đã công nhận *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, công nhận Ban Dự thảo *Hiến pháp* gồm 11 thành viên. Với việc công nhận Chính phủ chính thức và các thành viên của Chính phủ, Quốc hội khóa I đã mở đường cho việc xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân - nền tảng để chăm lo cho cuộc sống ấm no về vật chất, đầy đủ về tinh thần, vì hạnh phúc của người dân Việt Nam.

Dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Dự thảo Hiến pháp đã hoàn thành Dự thảo Hiến pháp và trình Quốc hội khóa I thông qua *Hiến pháp* năm 1946 - đạo luật cơ bản đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. *Hiến pháp* năm 1946 là văn bản pháp luật đầu tiên tạo cơ sở pháp lý để xây dựng nhà nước dân chủ pháp quyền với nền hành chính vận hành thông suốt từ trung ương đến địa phương. Nền hành chính dựa trên nền tảng dân chủ đó không phải cái gì khác ngoài nền hành chính vì hạnh phúc của nhân dân Việt Nam.

#### 4. Thúc đẩy thực hành nền dân chủ, quyền tự do của người dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm thúc đẩy việc thực hành nền dân chủ thực chất, bảo đảm các quyền tự do của nhân dân. Theo Người, dân chủ hiểu một cách chung nhất là *quyền lực chính trị thuộc về nhân dân*. Ở nước ta, chính quyền là của nhân dân, do nhân dân làm chủ: “Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ”<sup>8</sup>; do đó, “Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*”<sup>9</sup>. Các cơ quan quyền lực nhà nước được sinh ra không phải là để cai trị nhân dân; mà đó phải là nơi thực hiện và thừa hành ý chí của nhân dân, tổ chức cho nhân dân thực hiện các quyền tự do, dân chủ theo những phương thức phù hợp; thông qua đó, nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, nghĩa là *thực hành dân chủ*.

Ngay sau khi giành lại nền độc lập dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ ràng quan điểm về dân chủ trong xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

“NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ

Bao nhiêu lợi ích đều vì *dân*.

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*.

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*”<sup>10</sup>.

“Trong các cuộc bầu cử, công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, tôn giáo, mức tài sản, trình độ văn hóa, không phân biệt nơi giống đều có quyền tham gia. Đó là một cách rất hợp lý, để nhân dân lao động thực hành quyền

thống trị của mình”<sup>11</sup>; đồng thời, “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”<sup>12</sup>.

Nhà nước của chúng ta do nhân dân lập ra và được nhân dân nuôi dưỡng. “Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân”<sup>13</sup>. “Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”<sup>14</sup>; “Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”<sup>15</sup>. Bởi vậy, theo Hồ Chí Minh, Nhà nước phải dựa vào dân để sửa chính sách, sửa bộ máy, sửa cán bộ của mình.

Theo Hồ Chí Minh: “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>16</sup>. Nhân dân sử dụng Nhà nước như một công cụ để thực hiện lợi ích của mình. Đối với nhân dân, công cụ của Nhà nước dân chủ mới (Chính phủ, công an, quân đội, pháp luật...) đều là để giữ gìn, phục vụ cho quyền và lợi ích của nhân dân. Hồ Chí Minh cho rằng: “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”<sup>17</sup>. Phạm đã là “công bộc của dân” thì từ Chính phủ, các cơ quan Nhà nước cho đến từng cán bộ, công chức đều phải một lòng, một dạ thực hành dân chủ, bảo đảm các quyền tự do của nhân dân, chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân.

Về mối quan hệ giữa dân chủ và tự do, Chủ tịch Hồ Chí Minh giảng giải: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*”<sup>18</sup>.

### 5. Chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề xuất những công việc mà Chính phủ phải thực hiện ngay: “1. Làm cho dân có ăn. 2. Làm cho dân có mặc. 3. Làm cho dân có chỗ ở...”<sup>19</sup>; bởi lẽ: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”<sup>20</sup>. Người nhấn mạnh: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”<sup>21</sup>. Theo chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ lâm thời đã tập trung ngay vào chống “giặc đói”. Ngày 5-9-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời ban hành Sắc lệnh số 07 nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong việc vận chuyển, buôn bán thóc gạo, chống lại nạn đầu cơ, tích trữ lương thực trong bối cảnh nạn đói đang hoành hành dữ dội khi đó. Sắc lệnh này là việc làm thiết thực, kịp thời của Chính phủ, phản ánh sinh động một thực tế rằng, Nhà nước dân chủ non trẻ buổi đầu ấy đã luôn biết đặt lợi ích, nhu cầu của người dân Việt Nam lên trên hết và trước hết, biết vì hạnh phúc của người dân bắt đầu từ những điều dung dị nhất là cơm ăn, áo mặc.

Bên cạnh việc đối phó với “giặc đói”, Chính phủ còn giải quyết “giặc dốt”. Đó cũng là lý do Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi Chính phủ phải:

“Làm cho dân có học hành”<sup>22</sup>. Người cho rằng: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ”<sup>23</sup>. Theo tinh thần đó, ngày 8-9-1945 Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh số 17 xác định “Đặt ra một Bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam”; Sắc lệnh số 19 quy định “Trong hạn sáu tháng, làng nào và đô thị nào cũng đã phải là một lớp học dạy được ít nhất là ba mươi người”; Sắc lệnh số 20 quy định “bắt buộc học chữ quốc ngữ và không phải mất tiền cho tất cả mọi người”, “hạn trong một năm, toàn thể dân chúng Việt Nam trên 8 tuổi phải biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ. Quá hạn đó, một người dân nào trên 8 tuổi mà không biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ sẽ bị phạt tiền”<sup>24</sup>.

Những biện pháp thực hiện nêu trên đã cho thấy Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch luôn chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần - hạnh phúc của người dân. Bản thân Hồ Chí Minh luôn là tấm gương sáng về việc đó. Người viết: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó. Ngày nay, vâng lệnh Chính phủ, theo ý quốc dân, tôi phải xa xôi ngàn dặm, tạm biệt đồng bào, cùng với đoàn đại biểu qua Pháp - cũng vì mục đích đó. Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân”<sup>25</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khẳng định: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”<sup>26</sup>. Đầu tiên là công việc đối với con

người: “Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ”<sup>27</sup>. Để làm tròn nhiệm vụ đó thì yêu cầu đặt ra là: “chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”<sup>28</sup>. Tựu trung, trong việc chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân, Đảng, Chính phủ, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước phải luôn khắc cốt, ghi tâm nguyên tắc, cũng là phương châm hành động mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”<sup>29</sup>.

Trong suốt cả cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đau đáu nỗi niềm vì nước, vì dân, phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân, Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>30</sup>. Trong *Di chúc* để lại, Người căn dặn: “Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng. Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”<sup>31</sup>. Người còn đề nghị miễn thuế nông nghiệp cho nông dân một năm “để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”<sup>32</sup>. “Điều mong muốn cuối cùng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc đi xa là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”<sup>33</sup>.

Xây dựng một nước Việt Nam “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” vẫn mãi là khát vọng, là tâm niệm canh cánh trong lòng đến tận những tháng ngày cuối đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khát vọng đó vẫn luôn được truyền lại và tồn tại xuyên suốt đến ngày nay, như Đại hội XIII của Đảng đã nêu: “Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân”<sup>34</sup>.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 473

2, 12, 16, 27. *Sđđ*, T.12, tr. 562, 375, 376, 402

3. *Sđđ*, T. 2, tr. 289

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T.7, tr. 113

5, 6, 7, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 29, 30. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 1, 3, 3, 64-65, 175, 64, 175, 175, 272, 7, 51, 187

8, 14. *Sđđ*, T. 7, tr. 269, 434

9, 11. *Sđđ*, T. 8, tr. 263, 263

10. *Sđđ*, T. 6, tr. 232

13, 28. *Sđđ*, T.9, tr. 90, 518

15, 26. *Sđđ*, T.5, tr. 75, 289

18. *Sđđ*, T.10, tr. 378

25. Xem: <https://tcmn.vn/news/detail/19259/Cac-sac-lenh-cua-Chinh-phu-lam-thoi-nuoc-Viet-Nam-Dan-chu-Cong-hoa-do-Bo-truong-Bo-Noi-vu-Vo-Nguyen-Giap-ky-ban-hanh.html>

31, 31, 33. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.15, tr. 622, 617, 624

34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T.I, tr. 216.